

Số: 03 /BC-BKS

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Chân Mây**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 17 tháng 4 năm 2020;

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây;

Căn cứ Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng;

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2020, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Chân Mây xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 các nội dung sau:

**I. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát:**

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây nhiệm kỳ 2020-2025 thành viên Ban kiểm soát bầu ra, bao gồm:

- |                        |                            |
|------------------------|----------------------------|
| + Ông Phan Tuấn Anh    | - Trưởng Ban kiểm soát     |
| + Ông Nguyễn Công Định | - Thành viên Ban kiểm soát |
| + Bà Lê Thị Hoàng Diệu | - Thành viên Ban kiểm soát |

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần vốn góp chi phối của Nhà nước, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước và Phương án quỹ tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020 tại Tờ trình trình số: 12/TT-HĐQT ngày 18 tháng 3 năm 2020 được thực hiện như sau:



Tổng quỹ lương được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong năm 2019 của HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát công ty là: 3.919 triệu đồng.

Thù lao Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức danh trong BKS	Mức thù lao	Năm 2020
1	Phan Tuấn Anh	Trưởng BKS	Không hưởng thù lao	Không hưởng thù lao
2	Nguyễn Công Định	Thành viên BKS không chuyên trách	1.500.000 đồng/tháng	18.000.000 đồng/năm
3	Lê Thị Hoàng Diệu	Thành viên BKS chuyên trách	Không hưởng thù lao	Không hưởng thù lao

## II. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

### 1. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ công giao. Thường xuyên tiến hành tổ chức công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; xem xét báo cáo tài chính và các hoạt động đầu tư các dự án trên cơ sở phù hợp Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tiến hành tổ chức các cuộc họp Ban kiểm soát, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Ban kiểm soát đã ban hành 10 báo cáo, phối hợp với các phòng Kinh doanh, phòng Tài chính - Kế toán và 3 Xí nghiệp trực thuộc thành lập các đoàn kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 2. Tổng kết các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát

Qua quá trình kiểm tra đã tiến hành rà soát các quy định về hoạt động của các phòng, xí nghiệp. Ban kiểm soát đã báo cáo kết quả kiểm tra và đưa ra các kết luận, kiến nghị trình lãnh đạo công ty về một số tồn tại nhằm giúp các bộ phận hoạt động hiệu quả hơn. Cụ thể:

#### 2.1 Về công tác tài chính - kế toán:

Ban kiểm soát đã phối hợp phòng Tài chính - Kế toán và Công ty kiểm toán độc lập tiến hành thẩm tra báo cáo tài chính. Qua đó, đã tham gia ý kiến và thảo luận với đơn vị kiểm toán độc lập các vấn đề vướng mắc, đồng thời làm báo cáo kết quả kiểm soát và đưa ra đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc để có

biện pháp giải quyết những vấn đề trong quá trình tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Qua các đợt kiểm tra trong năm 2020, Ban kiểm soát có một số kiến nghị, cụ thể như sau:

- Về vấn đề gia hạn hợp đồng tín dụng dự án Bền số 2:

Ban kiểm soát kiến nghị bộ phận kế toán làm việc với ngân hàng để gia hạn hợp đồng tín dụng tiến độ trả nợ lãi gốc thêm 1 năm đến tháng 06/2021 (do Dự án Bền số 2 chậm tiến độ so với dự kiến ban đầu khoảng 01 năm). Vấn đề này đã được thực hiện hoàn thành.

- Về xây dựng giá thành:

Việc xây dựng giá thành là yếu tố hết sức quan trọng, vì nó là căn cứ để xác định hiệu quả hoạt động kinh doanh của đơn vị. Ban kiểm soát kiến nghị Lãnh đạo Công ty chỉ đạo bộ phận chuyên môn cần hoàn thành sớm việc xây dựng giá thành cước phí dịch vụ đối với từng loại sản phẩm dịch vụ tại cảng nhằm đảm bảo tính cạnh tranh và phù hợp với mặt bằng giá khi Công ty Hào Hưng đưa bến cảng số 03 đi vào hoạt động.

- Về hoàn thuế GTGT: Năm 2021, kiến nghị bộ phận kế toán tiếp tục theo dõi và hoàn thiện các thủ tục hoàn thuế.

- Về XD quy trình quản lý báo cáo thuế: kiến nghị bộ phận kế toán lập file lưu trữ hóa đơn điện tử theo quy định và quy trình quản lý báo cáo thuế.

- Về XD lộ trình tiết giảm chi phí quản lý: Trong năm chi phí quản lý tăng so với kế hoạch, kiến nghị phòng Tài chính - Kế toán xây dựng lộ trình tiết giảm chi phí quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

## **2.2 Về công tác kinh doanh:**

Trong năm 2020, phòng Kinh doanh đã triển khai thực hiện đàm phán, đi đến ký kết hợp đồng với 65 đơn vị, thực hiện được tổng cộng 98 hợp đồng kinh tế, bao gồm 13 hợp đồng hàng hải và 85 hợp đồng xếp dỡ và hợp đồng kinh tế khác. Công tác ký kết hợp đồng bảo đảm tính minh bạch, chặt chẽ và đúng quy định.

Qua đợt kiểm tra, Ban kiểm soát đã có một số kết luận, kiến nghị với công tác kinh doanh. Cụ thể:

- Hợp đồng gỗ dăm trong thời gian qua áp dụng 2 đơn giá xếp dỡ theo tấn tươi và tấn khô quy đổi theo mỗi hợp đồng. BKS kiến nghị trong các năm kế tiếp, các hợp đồng nên quy đổi theo tấn tươi để tiện theo dõi và không bị ảnh hưởng bởi yếu tố giám định độ ẩm. Vấn đề này đã được phòng Kinh doanh thực hiện.

dl

- Kiến nghị lãnh đạo công ty sớm ban hành lại Quy trình ghi nhận doanh thu để tiện cho việc phân công công việc và làm căn cứ trong công tác kiểm tra đối chiếu giữa các bộ phận trong công ty.

### 2.3 Về công tác đầu tư dự án:

Các dự án đầu tư xây dựng của Công ty triển khai đang được tiến hành đúng tiến độ cũng như đảm bảo chất lượng yêu cầu. Tình hình giải ngân của các dự án cụ thể như sau:

Đvt: triệu đồng

TT	Tên dự án	Dự án được duyệt		Thực hiện đến năm 2019	Ước thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	
		Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Giải ngân	Giải ngân	Tổng số	Nguồn vốn
<b>A</b>	<b>Các dự án nhóm B</b>	<b>848.061</b>		<b>266.015</b>	<b>66.550</b>	<b>120.000</b>	
1	Tên dự án: Bến số 2	848.061	Vốn tự có và vốn vay				Vốn tự có và vốn vay
		384.270		266.015	66.550	120.000	
<b>B</b>	<b>Các dự án nhóm C</b>	<b>59.080</b>		<b>37.375</b>	<b>4.675</b>	<b>57.418</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>						
1	Dự án: Nâng cấp Bến số 1 – CCM (bổ sung 2 trụ neo 200 tấn)	32.480	Vốn huy động	25.778	319	0	
2	Dự án các hạng mục phục vụ sản xuất kinh doanh	25.800	Vốn tự có	11.597	4.356	3.918	Vốn tự có
2.1	Nạo vét điều chỉnh mở rộng luồng, vũng quay tàu của bến trong (Bến 120m)	4,300	Vốn tự có	334	0	3,918	Vốn tự có
2.2	Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ mở rộng kho bãi bến số 1 – Cảng Chân Mây	16,500	Vốn tự huy động	11.263	4.096	0	Vốn tự có
2.3	Nhà kho 2500 m2	5,000	Vốn tự có		261	0	Vốn tự có
3	Mua sắm thiết bị	800	Vốn tự có	0	0	800	Vốn tự có

II	Các hạng mục, công trình chuẩn bị đầu tư năm 2021				32.700	Vốn tự có
III	Các hạng mục sửa chữa, bảo trì Bến số 1 năm 2021				20.000	Vốn tự có

Về tiến độ thực hiện dự án:

- Dự án Bến số 2 - Cảng Chân Mây: Hạng mục chính của công trình là Bến cập tàu đã được nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng (giai đoạn 1). Tuy nhiên, riêng hạng mục nạo vét đang chậm tiến độ do một số nguyên nhân khách quan. Dự kiến hoàn thành toàn bộ dự án Bến số 2 giai đoạn 1 đưa vào sử dụng tháng 06/2021.

Về ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập với dự án Bến số 2: Trong thời gian qua đã có 2 đợt kiểm toán dự án Bến số 2 theo kiến nghị của kiểm toán độc lập Ban quản lý dự án đã tiếp thu và đã bổ sung đầy đủ các nội dung theo kiến nghị của kiểm toán.

Kiến nghị của BKS về kiểm toán dự án Bến số 2: Trong thời gian tới, Ban kiểm soát kiến nghị Ban quản lý dự án cho tiến hành kiểm toán các hạng mục, công trình của Dự án Bến số 2 đã hoàn thành.

- Dự án Nạo vét điều chỉnh mở rộng luồng, vũng quay tàu của bến trong (Bến 120m): Hiện nay, chưa có vị trí để tập kết vật chất nạo vét nên chưa triển khai thi công. Công ty đang chờ thủ tục... để tiếp tục triển khai công tác nạo vét. Tiến độ thực hiện dự án hoàn thành trong năm 2021 (Theo tiến độ bến số 2).

- Công trình Nhà kho 2.500m<sup>2</sup>: Tiến độ thực hiện dự kiến hoàn thành trong năm 2021.

- Các hạng mục khác: Mua sắm 2 xe gàu mức 5m<sup>3</sup>; Các hạng mục, công trình chuẩn bị đầu tư phục vụ kế hoạch phát triển container trong tương lai; Các hạng mục sửa chữa, bảo trì Bến số 1 nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1; Sửa chữa Bến số 1 khác dự kiến đầu tư trong năm 2021.

## 2.4 Về công tác hoạt động của 3 xí nghiệp

### +) Hoạt động của Xí nghiệp Cơ giới:

Qua quá trình kiểm tra Xí nghiệp Cơ giới theo kế hoạch hoạt động năm 2020 của BKS. Nhận thấy, Xí nghiệp đã thực hiện tốt các quy định của Công ty, công tác quản lý điều động phương tiện phù hợp, thường xuyên thực hiện phương án thay đổi thiết bị xếp dỡ trong quá trình làm hàng nhằm tránh tình trạng một số thiết bị làm

hàng quá tải ảnh hưởng tuổi thọ. Việc bố trí công nhân vận hành máy xếp dỡ đảm bảo đầy đủ Chứng chỉ đào tạo theo quy định của Nhà nước đối với các phương tiện; đảm bảo đã được huấn luyện về An toàn, về sinh lao động.

**\*Một số kiến nghị:**

Về kiến nghị Định mức tiêu hao nhiên liệu: Kiến nghị Xí nghiệp ban hành lại Định mức tiêu hao nhiên liệu sát với thực tế để làm căn cứ hạch toán chi phí tiêu hao nhiên liệu đúng với quy định hiện hành. Vấn đề này đã được Ban Điều hành chỉ đạo các bộ phận chuyên môn xây dựng lại Định mức và đã được hoàn thành.

Về kiến nghị thanh lý thiết bị: Xe xúc lật JH65 đã dừng hoạt động từ cuối năm 2015, đến nay đã xuống cấp nghiêm trọng không thể sử dụng và đang kiểm được, kính đề nghị Công ty chỉ đạo tiến hành lập thủ tục thanh lý tài sản này.

**+) Hoạt động của Xí nghiệp Xếp dỡ:**

Về công tác kiểm tra quá trình thực hiện quy trình xếp dỡ: Thực hiện đúng quy trình công nghệ xếp dỡ, nắm vững số lượng, chất lượng phương tiện thiết bị và nhân lực lao động điều động trong ca mình phụ trách. Có sự phối hợp giữa các Xí nghiệp, Phòng, Đội trong quá trình sản xuất. Theo dõi sát sao diễn biến lao động trong các dây chuyền xếp dỡ. Các trang bị an toàn lao động khi làm hàng.

Về công tác vận hành của công nhân vận hành cầu tàu: Chứng chỉ đào tạo của công nhân vận hành cầu tàu đúng theo quy định của Nhà nước. Công nhân vận hành cầu tàu đã nhận và sử dụng đúng mục đích dụng cụ bảo hộ lao động được cấp phát (găng tay, mũ, áo quần, khẩu trang, giày, áo mưa...) để thực hiện công tác làm hàng. Thường xuyên tham gia các lớp huấn luyện công tác an toàn, vệ sinh lao động định kỳ, có chứng nhận của cơ quan quản lý nhà nước.

**+) Về hoạt động kinh doanh xăng dầu:**

Kiểm tra các chứng nhận liên quan đến công tác an toàn trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, các chứng nhận giấy kiểm định của Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Thừa Thiên Huế đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Về số lượng nhập, xuất và định mức hao hụt: Căn cứ vào quy định của Công ty ban hành về định mức hao hụt nhiên liệu, qua số liệu kiểm tra chốt bể tại Xí nghiệp, nhận thấy mức hao hụt nhiên liệu tại thời điểm kiểm tra nằm trong định mức hao hụt cho phép.

Về hoạt động đại lý tàu biển: Hoạt động đại lý tàu biển hiện tại được Xí nghiệp triển khai từ tháng 03/2019 đến nay. Lĩnh vực làm đại lý tàu biển là lĩnh vực mới và nằm trong chiến lược đa dạng hóa dịch vụ của đơn vị nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

Công tác cung cấp điện, nước: Xí nghiệp đã thực hiện đúng các quy định và các quy chế của Công ty. Mọi khách hàng có nhu cầu cung cấp dịch vụ đều tiến hành làm Hợp đồng hoặc căn cứ báo giá theo biểu giá hàng hải đã công bố của Công ty.

Về công nợ phải thu: Kiến nghị Xí nghiệp CUDV cần có giải pháp thu hồi công nợ khó đòi.

### 3. Kết quả giám sát tình hình sản xuất kinh doanh, thẩm định báo cáo tài chính năm 2020

#### 3.1 Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

- Năm 2020, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn một phần do dịch covid-19 và thiên tai tại khu vực miền trung diễn ra hết sức phức tạp trong những tháng cuối năm dẫn đến tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị không đạt như kế hoạch đề ra. Những kết quả đạt được trong năm 2020 phản ánh tương đối rõ nét về sự phấn đấu của tập thể CBCNV Cảng Chân Mây trong điều kiện chịu tác động tiêu cực cùng lúc do đại dịch Covid-19 và thiên tai trong năm 2020.

- Kế hoạch doanh thu năm 2020 đạt 137 tỷ đồng, giảm tương ứng 78% so với năm 2019 chủ yếu do một số nguyên nhân sau:

+ Do dịch bệnh covid-19 các hãng tàu du lịch hủy chuyến qua cảng dẫn đến doanh thu lĩnh vực du lịch chỉ đạt 7 tỷ đồng, giảm so với cùng kỳ là 12 tỷ đồng, đây là nguyên nhân chính dẫn đến tỷ lệ doanh thu không đạt so với kế hoạch.

+ Do năm 2020, Công trình đê chắn sóng Cảng Chân Mây hoàn thành nên lượng phương tiện mua xăng dầu giảm doanh thu, năm 2020 lượng xăng dầu bán ra chỉ đạt 10 tỷ đồng, bằng 40% năm 2019 là 25 tỷ đồng.

+ Và một số mặt hàng chủ lực như gỗ dăm, than cám qua cảng giảm nhẹ so với năm 2019.

Số liệu tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020 của như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng bốc xếp	1000 tấn	2.650	2.385	90%
2	Doanh thu SXKD	Tỷ đồng	168.000	137.000	78%
3	LN trước thuế	Tỷ đồng	5.723	13.400	234%
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	3.924	4.500	115%
5	Thu nhập bình quân	Tr đồng	11.05	9.39	85%

### Bảng tổng hợp doanh thu năm 2019-2020

TT	LOẠI HÀNG	Doanh thu năm 2020	Sản lượng 2020	Doanh thu năm 2019	Sản lượng 2019	Tỷ lệ doanh thu	Tỷ lệ sản lượng
1	DẶM GỖ	63.906.221.903	1.130.247	77.523.957.048	1.428.416	82,4%	79,1%
2	THAN	16.249.017.124	438.067	18.151.549.853	542.095	89,5%	80,8%
3	CLINKER	18.543.264.338	556.422	12.973.801.401	418.366	142,9%	133,0%
4	NHỰA ĐƯỜNG	975.656.777	22.132	891.318.154	18.663	109,5%	118,6%
5	TITAN	421.219.946	11.417	1.179.095.702	28.712	35,7%	39,8%
6	CÁT TRẮNG	5.618.598.835	187.410	6.557.660.124	216.200	85,7%	86,7%
7	DẦU CỌ	208.568.558	4.977	176.978.588	5.028	117,8%	99,0%
8	HÀNG KHÁC	5.304.340.006	57.444	2.192.076.574	8.368	263,9%	686,5%
9	DU LỊCH	7.082.386.446		19.664.480.232		36,0%	
10	THUÊ BÃI	2.864.550.152		4.191.943.149		68,3%	
11	XĂNG DẦU	10.026.832.048		25.202.610.823		39,8%	
12	VẬN CHUYỂN	3.770.357.600		3.624.648.088		104,0%	
13	DT CÁC DV KHÁC	2.192.943.072		3.052.587.633		71,8%	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>137.163.956.805</b>	<b>2.408.118</b>	<b>175.382.707.370</b>	<b>2.665.847</b>	<b>78,2%</b>	<b>90,3%</b>

### 3.2 Kết quả thẩm tra báo cáo tài chính năm 2020:

Nhìn chung, năm 2020 các chỉ tiêu tài chính của Công ty đã đạt kế hoạch, kết quả tài chính đảm bảo được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo đảm và phát triển.

### Tóm tắt Bảng kết quả sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Thay đổi	Tỷ lệ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	137,163,956,805	175,382,707,370	(38,218,750,565)	78%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	137,163,956,805	175,382,707,370	(38,218,750,565)	78%
4. Giá vốn hàng bán	94,180,188,556	116,698,481,190	(22,518,292,634)	81%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	42,983,768,249	58,684,226,180	(15,700,457,931)	73%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1,948,435,338	2,151,296,767	(202,861,429)	91%



7. Chi phí tài chính	6,898,106	4,826,876	2,071,230	143%
- Trong đó: Chi phí lãi vay				
8. Chi phí bán hàng	1,507,788,186	1,807,270,821	(299,482,635)	83%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27,457,808,712	26,950,103,011	507,705,701	102%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	15,959,708,583	32,073,322,239	(16,113,613,656)	50%
11. Thu nhập khác	24,638,603	896,414,142	(871,775,539)	3%
12. Chi phí khác	29,960,479	605,134,739	(575,174,260)	5%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(5,321,876)	291,279,403	(296,601,279)	-2%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	15,954,386,706	32,364,601,642	(16,410,214,935)	49%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,244,197,467	7,265,011,100	(5,020,813,633)	31%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	13,710,189,239	25,099,590,542	(11,389,401,302)	55%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	383	701		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	383	701		

## 2. Tóm tắt Bảng cân đối kế toán:

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 31/12/2019	Thay đổi	Tỷ lệ
<b>TÀI SẢN</b>	<b>689,684,005,773</b>	<b>675,122,072,736</b>	<b>14,561,933,037</b>	<b>102%</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>110,722,456,394</b>	<b>140,494,101,684</b>	<b>(29,771,645,290)</b>	<b>79%</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	67,093,516,368	69,186,448,041	(2,092,931,673)	97%
1. Tiền	19,093,516,368	19,587,530,545	(494,014,177)	97%
2. Các khoản tương đương tiền	48,000,000,000	49,598,917,496	(1,598,917,496)	97%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn				
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	22,305,878,718	49,919,335,331	(27,613,456,613)	45%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	10,052,355,692	24,278,359,940	(14,226,004,248)	41%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	876,508,525	8,670,830,391	(7,794,321,866)	10%
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	1,500,000,000	1,500,000,000		100%
6. Phải thu ngắn hạn khác	13,141,797,060	18,691,502,559	(5,549,705,499)	70%

7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(3,264,782,559)	(3,221,357,559)	(43,425,000)	101%
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>3,456,933,147</b>	<b>4,832,899,616</b>	<b>(1,375,966,469)</b>	<b>72%</b>
1. Hàng tồn kho	3,456,933,147	4,832,899,616	(1,375,966,469)	72%
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>17,866,128,161</b>	<b>16,555,418,696</b>	<b>1,310,709,465</b>	<b>108%</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	225,993,394	229,531,715	(3,538,321)	98%
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	17,624,167,570	16,323,881,418	1,300,286,152	108%
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15,967,197	2,005,563	13,961,634	796%
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>578,961,549,379</b>	<b>534,627,971,052</b>	<b>44,333,578,327</b>	<b>108%</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>268,824,420,953</b>	<b>278,800,897,778</b>	<b>(9,976,476,825)</b>	<b>96%</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	268,793,856,203	278,747,961,355	(9,954,105,152)	96%
- Nguyên giá	677,670,058,944	663,805,551,673	13,864,507,271	102%
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(408,876,202,741)	(385,057,590,318)	(23,818,612,423)	106%
3. Tài sản cố định vô hình	30,564,750	52,936,423	(22,371,673)	58%
- Nguyên giá	184,609,600	184,609,600		100%
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(154,044,850)	(131,673,177)	(22,371,673)	117%
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>304,990,632,808</b>	<b>250,831,818,855</b>	<b>54,158,813,953</b>	<b>122%</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	304,990,632,808	250,831,818,855	54,158,813,953	122%
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>5,146,495,618</b>	<b>4,995,254,419</b>	<b>151,241,199</b>	<b>103%</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	5,146,495,618	4,995,254,419	151,241,199	103%
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>689,684,005,773</b>	<b>675,122,072,736</b>	<b>14,561,933,037</b>	<b>102%</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>329,143,617,379</b>	<b>311,977,139,729</b>	<b>17,166,477,650</b>	<b>106%</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>75,249,328,037</b>	<b>80,526,499,204</b>	<b>(5,277,171,167)</b>	<b>93%</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	7,337,781,350	2,088,653,550	5,249,127,800	351%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	134,105,061	44,703,028	89,402,033	300%
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	466,449,042	2,592,984,106	(2,126,535,064)	18%
4. Phải trả người lao động	10,962,610,171	10,252,577,496	710,032,675	107%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	2,685,560,460	2,110,858,156	574,702,304	127%
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	497,699,989	774,854,649	(277,154,660)	64%
9. Phải trả ngắn hạn khác	44,463,900,583	55,240,871,221	(10,776,970,638)	80%
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7,154,684,837	3,428,785,343	3,725,899,494	209%
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,546,536,544	922,023,142	624,513,402	168%
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>253,894,289,342</b>	<b>231,450,640,525</b>	<b>22,443,648,817</b>	<b>110%</b>
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	67,872,483,570	68,730,649,319	(858,165,749)	99%
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	186,021,805,772	162,719,991,207	23,301,814,565	114%

<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>360,540,388,394</b>	<b>363,144,933,007</b>	<b>(2,604,544,613)</b>	<b>99%</b>
I. Vốn chủ sở hữu	360,540,388,394	363,144,933,007	(2,604,544,613)	99%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	324,054,150,000	324,054,150,000	-	100%
8. Quỹ đầu tư phát triển	22,776,049,155	13,991,192,465	8,784,856,690	163%
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13,710,189,239	25,099,590,542	(11,389,401,303)	55%
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước				
- LNST chưa phân phối kỳ này	13,710,189,239	25,099,590,542	(11,389,401,303)	55%

### 3. Tóm tắt Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Kỳ này từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Kỳ này từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>15,954,386,706</b>	<b>32,364,601,642</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		23.827.747.736	25,299,752,561
- Các khoản dự phòng	03		(3.385.360.343)	2,334,423,636
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.807.830	2,230,470
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,947,345,062)	(2,148,700,361)
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>34.455.236.867</b>	<b>57,852,307,948</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.396.915.469	(12,456,584,549)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1,375,966,469	(280,060,865)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(7.359.060.793)	(14.308.053.585)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(147,702,878)	1,969,719,375
- Tiền lãi vay đã trả	14			(4,311,633,492)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4,217,481,064)	(6,763,537,306)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1,755,892,000)	(2,177,175,109)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>40.747.982.070</b>	<b>19.524.982.417</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(56.056.185.258)	(176.547.870.398)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			883,577,272
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi	27		2,007,174,000	2,148,700,361

nhuận được chia			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(54.049.011.257)</b>	<b>(173.515.592.765)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	27,386,310,890	165,790,179,719
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16,177,123,101)	(163,200,450)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>11,209,187,789</b>	<b>165.790.179.719</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(2,094,021,949)</b>	<b>11,636,368,921</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>69,186,448,041</b>	<b>57,552,675,526</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1,090,276)	(2,596,406)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>67,093,516,368</b>	<b>69,186,448,041</b>

**Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:**

STT	CHỈ TIÊU	Đvt	NĂM 2020	NĂM 2019	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>				
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	0.16	0.21	
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	0.84	0.79	
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>				
	Nợ phải trả/Vốn CSH	%	0.91	0.86	
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	0.48	0.46	
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	0.52	0.54	
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>				
	Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1.43	1.68	
	Khả năng thanh toán hiện hành (TS ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn	lần	1.47	1.74	
<b>4</b>	<b>Hiệu quả</b>				
	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0.020	0.037	
	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu	%	0.100	0.143	
	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	0.038	0.069	

Căn cứ các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán, Ban kiểm soát có một số phân tích và nhận xét như sau:

*dt*

- Kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính năm 2020 lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ đạt 13,7 tỷ đồng giảm tương ứng 55% so với năm 2019 (Do doanh thu năm 2020 giảm 38 tỷ đồng so với năm 2019) và đồng thời năm 2020 chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 27 tỷ đồng tăng 102% so với cùng kỳ đó là nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận giảm.

- Tuy năm 2020 gặp nhiều khó khăn do nguyên nhân khách quan, nhưng qua số liệu trong Báo cáo tài chính cho thấy có một số chỉ tiêu doanh nghiệp đạt được rất tốt. Trước tiên là chỉ tiêu công nợ phải thu khách hàng giảm mạnh so với cùng kỳ, công nợ hiện tại chỉ 10 tỷ đồng so với năm 2019 là 24 tỷ đồng. Đây là sự nỗ lực của tập thể cán bộ lãnh đạo trong đó bộ phận tài chính đóng vai trò chủ đạo trong công tác đòi công nợ. Vấn đề hàng tồn kho trong năm 2020 còn 3,4 tỷ đồng giảm so với cùng kỳ 1,3 tỷ đồng, cho thấy trong thời gian qua bộ phận kế toán đã làm công tác quản trị kho rất tốt vì đây là vấn đề đã tồn tại trong suốt thời gian qua nay đã được khắc phục.

- Chỉ tiêu thuế GTGT còn được khấu trừ hiện tại 17,6 tỷ đồng, đây là khoản tiền phát sinh từ các đợt nghiệm thu dự án Bến số 2 - Cảng Chân Mây. Năm 2020, Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước 6,5 tỷ đồng. Trong đó: Thuế TNDN là 4,2 tỷ đồng, thuế GTGT là 1,8 tỷ đồng, thuế TNCN là 485 triệu đồng.

- Chỉ tiêu nợ phải trả trong ngắn hạn: trong năm đơn vị đã trả nợ ngân sách UBND Tỉnh 8,5 tỷ đồng, trả cổ tức năm 2017 về Tổng công ty 14,5 tỷ đồng, còn nợ tiền lãi Tổng công ty phát sinh từ các năm trước là 16,6 tỷ đồng và tiền trả cổ tức Tổng công ty năm 2018+2019 là 27,6 tỷ đồng.

- Chỉ tiêu nợ phải trả trong dài hạn: trong năm còn nợ tiền ứng trước của hãng tàu Caribbean 67,8 tỷ đồng và tiền vay Ngân hàng Công thương cho giải ngân hạng mục Bến số 02: 186 tỷ đồng.

- Tính đến cuối năm 2020, quỹ khen thưởng còn 1,4 tỷ đồng, quỹ phúc lợi còn 145 triệu đồng. Nguồn vốn chủ sở hữu cuối năm 2020 là 360 tỷ đồng, bao gồm: Vốn góp của chủ sở hữu 324 tỷ đồng, quỹ đầu tư phát triển 22 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 13,7 tỷ đồng.

#### **Phân tích một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:**

Hệ số khả năng thanh toán hiện tại là chỉ số đo lường khả năng doanh nghiệp đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn. Chỉ số này ở mức 2-3 lần được xem là tốt, nhưng hiện nay chỉ số này của đơn vị khoảng 1,5 lần cho thấy thời gian đến việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của đơn vị trong tương lai sẽ khó khăn.

#### **4. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc.**

#### **4.1 Đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm qua:**

- BKS đã tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, thông qua đó nắm bắt chủ trương, quyết sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tham gia các góp ý về kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, các quyết định đầu tư và các dự thảo văn bản, quy chế của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc bám sát tình hình thực tế, linh hoạt trong công tác điều hành nhằm xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp và hiệu quả. Trong năm, HĐQT đã hoàn thành việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt kế hoạch đề ra.

- Các chính sách của HĐQT mang tính định hướng mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

- Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 15 cuộc họp có biên bản cuộc họp định kỳ và bất thường, đã ban hành 73 Nghị quyết, 60 Quyết định, 8 tờ trình và 14 văn bản khác đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **4.2 Đánh giá các hoạt động của Ban TGD trong năm qua:**

- Trong năm qua, dù có những biến động về nhân sự trong vị trí Lãnh đạo trong Ban điều hành Công ty, nhưng bằng sự nỗ lực phấn đấu của toàn bộ tập thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây đã vượt qua khó khăn, củng cố niềm tin với khách hàng, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch được duyệt. Ban TGD đã thực hiện đúng, đầy đủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, Quy chế hoạt động của Công ty. Ban TGD đã duy trì thường xuyên các cuộc họp giao ban hàng tuần để tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành SXKD của Công ty.

- Mọi hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của HĐQT, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

- Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, Ban TGD trong năm qua đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, triển khai kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT không có vi phạm nào làm ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của Công ty.

*dk*

### 5. Kết quả đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông.


- Trong năm 2020, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp của đơn vị, của cổ đông và theo đúng các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty. Các thành viên BKS đều được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, hàng tuần tham dự cuộc họp giao ban của Ban Giám đốc điều hành.

Với cổ đông BKS không nhận được thư yêu cầu hay khiếu nại của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông về hoạt động của công ty trong thời gian qua.

*Trên đây là báo cáo công tác kiểm tra, giám sát kế hoạch hoạt động Ban kiểm soát trong năm 2020. Ban kiểm soát kính trình quý vị cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây.*

*Kính chúc Công ty ngày càng phát triển bền vững, chúc Quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.*

*Trân trọng cảm ơn!*

**Nơi nhận:** 

- Như trên;
- HĐQT, BDH;
- Ban KS;
- Lưu: VT, TC-HC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Phan Tuấn Anh**

